

Số: /KH-SYT Thanh Hóa, ngày tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Xã hội hoá cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hoá và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình/sức khỏe sinh sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

Thực hiện Kế hoạch số 129/KH-UBND, ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Thực hiện Đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đáp ứng đầy đủ, đa dạng, kịp thời các phương tiện tránh thai (PTTT) hiện đại và hàng hóa sức khỏe sinh sản (SKSS) theo phân khúc thị trường, phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Huy động được hệ thống cán bộ y tế các cấp, các cơ sở Y, Dược công lập và ngoài công lập tham gia phân phối PTTT, hàng hóa SKSS theo phân khúc thị trường;

- Nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của cán bộ các ban, ngành, đoàn thể về lợi ích sử dụng PTTT, hàng hóa SKSS theo phân khúc thị trường và chuyển đổi hành vi của nhóm khách hàng từ sử dụng miễn phí sang tự chi trả PTTT, hàng hóa SKSS, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD).

II.MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường khả năng tiếp cận phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo phương thức xã hội hóa và huy động, sử dụng có hiệu

qua các nguồn lực xã hội góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, tăng tính bền vững của công tác dân số và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1. Tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng xã hội hóa phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

- Các chỉ tiêu đến 2025

+ Có ít nhất 90% người dân có nhu cầu hiểu biết về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung;

+ Có ít nhất 90% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu, được tư vấn và sử dụng biện pháp tránh thai, sản phẩm và dịch vụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý nhiễm khuẩn đường sinh sản;

+ Có ít nhất 80% người dân có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ sức khỏe tình dục;

+ Có ít nhất 30% phụ nữ từ 30-54 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc ung thư cổ tử cung;

+ Có ít nhất 30% phụ nữ trên 40 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư vú.

2.2. Mục tiêu 2. Xây dựng, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động mạng lưới phân phối, cung ứng sản phẩm và dịch vụ có chất lượng góp phần tăng sự lựa chọn, sử dụng của nhóm dân cư có khả năng chi trả về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

- Các chỉ tiêu đến 2025

+ Chi cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình tỉnh, Bệnh viện phụ sản, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố; Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tham gia triển khai thực hiện xã hội hóa cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản;

+ 90% cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, cán bộ quản lý, người tham gia cung ứng sản phẩm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về các nội dung Đề án và trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm và một số hoạt động trong cung cấp dịch vụ đã được quy định của Đề án;

+ 50% cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia Đề án được bổ sung, hỗ trợ trang thiết bị để triển khai dịch vụ kỹ thuật.

+ 100% người cung cấp dịch vụ, cán bộ quản lý của cơ sở y tế đủ điều kiện

tham gia Đề án được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật và tổ chức phân phối sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

2.3. Các chỉ báo đến năm 2030:

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những hoạt động, nội dung, kết quả thực hiện đến năm 2025 để xác định mục tiêu cụ thể và các chỉ báo của Đề án đến năm 2030.

III. THỜI GIAN, ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUỒN PHƯƠNG TIỆN TRÁNH THAI, HÀNG HÓA SỨC KHỎE SINH SẢN

1. Thời gian thực hiện: từ năm 2021 đến năm 2030

2. Địa bàn thực hiện: trên phạm vi toàn tỉnh Thanh Hóa

3. Đối tượng tác động:

+ Cán bộ y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế chuyên ngành sản-phụ khoa, cơ sở cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGD, SKSS được cung cấp, trang bị kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ và tham gia cung ứng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc.

+ Hệ thống dân số tuyến tỉnh/huyện, đặc biệt là cán bộ phụ trách công tác dân số, nhân viên y tế thôn, bản tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập huấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng để trực tiếp tham gia cung cấp sản phẩm và triển khai những hoạt động, nội dung phù hợp trong các dịch vụ kỹ thuật chăm sóc tại cộng đồng.

+ Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, tư nhân sản xuất, phân phối cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản để huy động bổ sung nguồn lực cho công tác dân số.

- Đối tượng thụ hưởng: Phụ nữ, nam giới, vị thành niên, thanh niên, là những người có nhu cầu và khả năng chỉ trả được thông tin, tư vấn, chuyển đổi hành vi và được chăm sóc, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp trong Đề án.

4. Nguồn phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản:

Là những sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục PTTT, hàng hóa SKSS theo Quyết định số 4911/QĐ-BYT ngày 18/11/2015 của Bộ Y tế; Quyết định số 3726/QĐ-BYT ngày 23/8/2019 của Bộ Y tế và Ban quản lý Đề án 818, Tổng cục Dân số - KHHGD cung cấp.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Truyền thông, vận động, cung cấp thông tin tạo môi trường xã hội đồng thuận thúc đẩy xã hội hóa:

a) Nội dung:

- Truyền thông, vận động nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể; các nhà hoạch định chính sách; các chức sắc tôn giáo; những người có uy tín trong cộng đồng... về xã hội hóa công tác dân số nói chung và xã hội hóa PTTT và dịch vụ KHHGD nhằm xây dựng, bổ sung các chính sách, kế hoạch và đầu tư kinh phí cho hoạt động xã hội hóa công tác dân số.

- Tuyên truyền vận động, cung cấp thông tin nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân, nhất là các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ về quyền, trách nhiệm trong việc chăm sóc SKSS.

b) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề cung cấp thông tin cho lãnh đạo đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng về lợi ích của sự cần thiết của xã hội hóa và hỗ trợ chỉ đạo thực hiện Đề án tại địa phương.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng các chuyên mục, phóng sự phát trên sóng truyền hình, Đài phát thanh tỉnh, huyện, trang thông tin Sở Y tế, báo Thanh Hóa; Hệ thống truyền thanh xã/phường và thôn, bản khu phố.

- Phối hợp với các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội: Mật trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội nông dân, Liên đoàn Lao động, truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về xã hội hóa PTTT và dịch vụ KHHGD cho các hội viên và nhân dân.

- Xây dựng Pano, áp phích tuyên truyền tại các cụm dân cư, cơ sở y tế tuyến huyện, xã; nhân bản các sản phẩm truyền thông (sách mỏng, tờ rơi, cẩm nang...) cấp cho người dân.

- Thường xuyên cung cấp thông tin, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng; tăng cường các hoạt động truyền thông về các nội dung hoạt động của đề án và quảng bá các sản phẩm qua kênh xã hội hóa nhân các hoạt động truyền thông sự kiện như Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD; các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Dân số Thế giới (11/7), Tháng hành động quốc gia về Dân số và ngày Dân số Việt Nam (26/12).

- Xây dựng điểm truyền thông, tư vấn tại các cơ sở Y tế công lập, nhất là tại Trạm y tế xã để tư vấn và giới thiệu các sản phẩm về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

2. Tăng cường khả năng tiếp cận hàng hóa và dịch vụ KHHGD và chăm sóc SKSS.

a) Nội dung: Nâng cao năng lực cho các cơ sở y tế công lập để thực hiện xã hội hóa cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD; khuyến khích và huy động các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia thực hiện xã hội hóa cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD.

b) Các nội dung hoạt động chủ yếu:

- Củng cố và phát triển mạng lưới cung ứng PTTT, hàng hóa và dịch vụ KHHGD/chăm sóc SKSS đã thực hiện hiệu quả trong những năm qua; nghiên cứu đánh giá nhu cầu sử dụng sản phẩm tránh thai và kênh phân phối hiện có theo từng chủng loại; xây dựng, cập nhật kế hoạch đảm bảo an ninh phương tiện tránh thai, sản phẩm tránh thai hàng hóa và dịch vụ KHHGD/chăm sóc SKSS đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động cung ứng PTTT qua kênh xã hội hóa trên cơ sở củng cố và kiện toàn đội ngũ làm công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Tập huấn cập nhật, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng sử dụng chủng loại PTTT, kỹ năng tiếp thị và kỹ thuật của sản phẩm cho đối tượng trực tiếp phân phối PTTT, hàng hóa SKSS và các đối tượng cung cấp dịch vụ KHHGD/chăm sóc SKSS trên địa bàn.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn, kỹ thuật dịch vụ KHHGD/chăm sóc SKSS cho người cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bổ sung trang thiết bị, dụng cụ KHHGD/chăm sóc SKSS cho các cơ sở y tế công lập để đáp ứng tiêu chí cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Kiểm tra, giám sát.

a) Nội dung: Xây dựng các chỉ tiêu, khung công cụ giám sát, đánh giá; tổ chức điều tra thu thập các thông tin cơ bản đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ để đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời đưa ra các giải pháp, điều chỉnh chính sách phù hợp.

b) Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất để đánh giá chất lượng, quy cách bảo, vận chuyển PTTT, hàng hóa KHHGD/SKSS và các hoạt động của kế hoạch giám sát, hỗ trợ kỹ thuật dịch vụ KHHGD/SKSS cho các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ.

- Tổ chức các hội nghị triển khai Kế hoạch, sơ kết và tổng kết giai đoạn.
- Tổ chức giám sát và hỗ trợ kỹ thuật.

V. KHUNG GIÁ VÀ CHI PHÍ PHÂN PHỐI

1. Khung giá: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban quản lý Đề án 818, Tổng cục Dân số-KHHGD.

2. Chi phí phân phối: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban quản lý Đề án 818, Tổng cục Dân số-KHHGD

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh

- Chủ trì và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm, tổ chức thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo, quản lý điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát thực hiện Kế hoạch; sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư.

- Chủ trì và phối hợp các đơn vị liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật.

- Tổ chức rà soát, đánh giá nhu cầu sử dụng PTTT và hàng hóa sức khỏe sinh sản trên địa bàn toàn tỉnh làm căn cứ để đăng ký nhu cầu sử dụng. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả PTTT và hàng hóa SKSS được cung cấp và thực hiện thanh toán kinh phí với Trung ương (Tổng cục Dân số - KHHGD) theo đúng quy định.

- Phối hợp với các Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Bệnh viện Phụ Sản; Khoa sản - Bệnh viện đa khoa các huyện, thị, thành phố tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết; báo cáo kết quả hoạt động của Đề án 6 tháng trước ngày 30/6, báo cáo năm trước ngày 31/12 hàng năm.

2. Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGD các huyện, thị, thành phố, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa và dịch vụ dịch vụ KHHGD/SKSS giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn.

- Là đầu mối thực hiện Đề án, phối hợp với các đơn vị có liên quan (Phòng Y tế, các cơ sở Y, Dược công lập và ngoài công lập) tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo đúng kế hoạch.

- Xây dựng và tổ chức mạng lưới tham gia phân phối PTTT, hàng hóa SKSS từ huyện đến cơ sở.

- Thực hiện nhiệm vụ đăng ký nhu cầu, tiếp nhận, quản lý phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản và thực hiện thanh toán kinh phí với Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh theo đúng quy định.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, kế hoạch kiểm tra giám sát, chế độ báo cáo và chế độ thanh, quyết toán hàng năm theo quy định.

Giám đốc Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Tổng cục DS-KHHGĐ (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Chi cục Dân số - KHHGĐ (thực hiện);
- TTYT huyện, thị, thành phố (thực hiện);
- Lưu VT, NVY_{LT}.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bá Cẩn

